TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU ĐỨC** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 14/7/2017
V/v "tranh chấp về ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Túy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Huy Xuân.
2. Bà Trần Thị Hạnh.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Trương Văn Tiến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 420/2016/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2016, về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2017/QĐXX-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa 16/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lưu Thị Hương N, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 26, ấp X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lê Đình Quốc V, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Tổ 26, ấp X, xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn yêu cầu ly hôn và các văn bản làm việc tại Toà án, nguyên đơn bà Lưu Thị Hương N trình bày:

Bà Lưu Thị Hương N và ông Lê Đình Quốc V tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 05-4-1996 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới tại xã Xà Bang, huyện Châu Đức.

Bà N và ông V sống chung với nhau đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân do ông V hay đi ăn nhậu và không có trách nhiệm với gia đình nên giữa bà N và ông V thường xuyên cải vả, không còn quan tâm đến nhau mà cuộc sống của ai người đó tự lo lấy. Bà N vì thương các con còn nhỏ nên đã cố gắng chịu đựng và nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm với ông V

nhưng không có kết quả nên hai người đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2014 đến nay. Tại các phiên hòa giải thì ông V có nguyện vọng xin bà N cho ông V thời gian 04 tháng tính từ ngày 23-11- 2016 để ông V tìm cách hàn gắn lại tình cảm với bà N đồng thời để ông V sắp xếp công việc ở cơ quan và gia đình nếu hết thời hạn 04 tháng nêu trên mà không thể hàn gắn được tình cảm thì ông V đồng ý ly hôn nên bà N cũng đồng ý cho ông V có cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, đã quá thời hạn ông V yêu cầu nhưng bà N và ông V không thể đoàn tụ được nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà N và ông V có 02 người con chung là cháu Lê Đình Triệu P, sinh ngày 10-02-1997 và cháu Lê Đình Hải Đ, sinh ngày 13-8-2003.

Hiện cháu P đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đình Hải Đ và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà N tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Theo các bản tự khai và tại các phiên hòa giải, ông Lê Đình Quốc V trình bày:*

Ông Lê Đình Quốc V đồng ý với trình bày của bà Lưu Thị Hương N về quan hệ hôn nhân, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Ông V và bà N tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn vào ngày 05-4-1996 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới tại xã Xà Bang, huyện Châu Đức.

Ông V và bà N trong quá trình sống chung với nhau thì không tránh khỏi xảy ra mâu thuẫn. Tuy nhiên, tại các phiên hòa giải ông V xin thời gian 04 tháng tính từ ngày 23-11-2016 để ông V tìm cách hàn gắn tình cảm với bà N đồng thời để ông V sắp xếp công việc của cơ quan và gia đình. Hết thời hạn 04 tháng nói trên mà ông V và bà N không đoàn tụ được thì ông V đồng ý ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông Lê Đình Quốc V và bà Lưu Thị Hương N có 02 người con chung là cháu Lê Đình Triệu P, sinh ngày 10-02-1997 và cháu Lê Đình Hải Đ, sinh ngày 13-8-2003. Hiện cháu P đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết còn cháu Lê Đình Hải Đ nếu bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng thì ông V đồng ý giao cháu Đ cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng và ông V cấp dưỡng mỗi tháng là 1.000.000đồng để bà N nuôi dưỡng cháu Đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Lê Đình Quốc V tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật về nội dung tranh chấp; thu thập đầy đủ chứng cứ và xác định đúng tư cách

tham gia tố tụng của các đương sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc xét xử trong phiên tòa sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn là bà Lưu Thị Hương N chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Lê Đình Quốc V đã được Tòa án triệu tập đến làm việc nhưng ông V vẫn vắng mặt tại phiên tòa, không thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông V ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lưu Thị Hương N; Về con chung cần chấp nhận sự thỏa thuận giữa bà N và ông V cụ thể là bà N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Đình Hải Đ; ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Lưu Thị Hương N và ông Lê Đình Quốc V đăng ký kết hôn vào ngày 05-4-1996 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Nay bà N yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nơi cư trú của ông Lê Đình Quốc V là xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngày 29-6-2017, Tòa án mở phiên tòa để xét xử vụ án nhưng ông V vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên Tòa án phải hoãn phiên tòa, ấn định thời gian mở lại phiên tòa là ngày 14-7-2017 nhưng tại phiên tòa ông V vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do còn bà N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà Lưu Thị Hương N và ông Lê Đình Quốc V là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Lưu Thị Hương N và ông Lê Đình Quốc V sống chung với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 05 tháng 4 năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Bà N và ông V sống chung với nhau đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn mà theo trình bày của bà N thì nguyên nhân là do ông V thường xuyên đi ăn nhậu và không có trách nhiệm với vợ con nên giữa bà N và ông V thường xuyên cải vả, không còn quan tâm đến nhau mà cuộc sống của ai người đó tự lo liệu lấy. Bà N vì thương các con còn nhỏ nên đã cố gắng chịu đựng và nhiều lần cố gắng để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả nên bà N và ông V đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2014 đến nay là có cơ sở. Trong quá trình ly thân thì bà N và ông V cũng đã tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà N, Tòa án đã tiến hành nhiều phiên hòa giải để bà N và ông V hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả nên ông V đề nghị bà N cho ông V thời gian 04 tháng tính từ ngày 23-11-

2016 để ông V sắp xếp công việc của cơ quan và tìm cách hàn gắn tình cảm với bà N, nếu hết thời hạn 04 tháng mà ông V và bà N không thể đoàn tụ được thì ông V đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, đã hết thời hạn nhưng bà N và ông V không thể hàn gắn được tình cảm nên Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên hòa giải nhưng ông V đều vắng mặt điều đó cho thấy ông V không còn thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Quá trình xác minh, thu thập chứng cứ tình trạng hôn nhân thì bà N và ông V phát sinh mâu thuẫn từ năm 2013 nên hai người đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2014 đến nay là có thật.

Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông V ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Lưu Thị Hương N được ly hôn với ông Lê Đình Quốc V.

[3] *Về quan hệ con chung*: Bà Lưu Thị Hương N và ông Lê Đình Quốc V có 02 người con chung là cháu Lê Đình Triệu P, sinh ngày 10-02-1997 và cháu Lê Đình Hải Đ, sinh ngày 13-8-2003.

Hiện cháu P đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà N và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu Lê Đình Hải Đ, sinh ngày 13-8-2003 thì bà N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu ông V cấp dưỡng. Trong quá trình làm việc tại Tòa án thì cháu Lê Đình Hải Đ có nguyện vọng của được ở với bà N và ông V cũng đồng ý giao cháu Lê Đình Hải Đ cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng; ông V đồng ý cấp dưỡng nhưng bà N không yêu cầu nên cần áp dụng các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận giao con chung là cháu Lê Đình Hải Đ cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Bà Lưu Thị Hương N và ông Lê Đình Quốc V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí*: Bà Lưu Thị Hương N phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Lưu Thị Hương N được ly hôn với ông Lê Đình Quốc V.

Về quan hệ con chung: Bà Lưu Thị Hương N và ông Lê Đình Quốc V có 02 người con chung là cháu Lê Đình Triệu P, sinh ngày 10-02-1997 và cháu Lê Đình Hải Đ, sinh ngày 13-8-2003. Hiện cháu P đã trưởng thành trên 18 tuổi nên bà N và ông V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Giao cháu Lê Đình Hải Đ, sinh ngày 13-8-2003 cho bà Lưu Thị Hương N được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lưu Thị Hương N không yêu cầu ông Lê Đình Quốc V cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Lê Đình Quốc V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng, không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lưu Thị Hương N và ông Lê Đình Quốc V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Lưu Thị Hương N phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001459 ngày 23-11-2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Bà Lưu Thị Hương N đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tống đạt hoặc niêm yết, bà Lưu Thị Hương N và ông Lê Đình Quốc V có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND.tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Châu Đức;
- Chi cục THA Dân sự huyện Châu Đức;
- UBND xã X, huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trần Thanh Túy